TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2018/DS-ST
Ngày: 25-12-2018
V/v Tranh chấp QSD đất và Bồi thường thiệt hại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Tú Anh
2. Ông Lê Văn Mỹ
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Thanh Điền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Cẩm – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:155/2015/TLST- DS ngày 09 tháng 12 năm 2015 về " Tranh chấp quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2018/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 12 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn:

1. 1 Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1958 (Có mặt)
1. 2 Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963 (Có mặt)

Cùng cư trú tại : Số 77/46, đường Trần P, phường Cái K, quận Ninh K, TP. Cần Thơ.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn S, sinh năm 1968 (Có mặt)
Cư trú tại: Tổ 03, ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3. 1 Ủy Ban nhân dân huyện BT, tỉnh Vĩnh Long (Xin vắng mặt)
3. 2 Chị Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1983
3. 3 Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1986
3. 4 Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1988
3.5 Anh Nguyễn Nhật Tr, sinh năm 1992

Cùng cư trú tại: Số 77/46, đường Trần P, phường Cái K, quận Ninh K, TP. Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền của chị D, chị Đ, chị L, anh Tr có bà Nguyễn Thị Thu H sinh năm 1963 cư trú tại : Số 77/46, đường Trần Ph, phường Cái K, quận Ninh K, TP. Cần Thơ. (Văn bản ủy quyền ngày 5/6/2017 và ngày 06/6/2017)

3.6 Bà Trần Thị L1, sinh năm 1970 (Xin vắng mặt)

3.7 Anh Võ Văn T, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt)

3.8 Anh Võ Văn T1, sinh năm 1993 (Xin vắng mặt)

3.9 Chị Vỏ Thị Ánh H1, sinh năm 1997 (Xin vắng mặt)

Cùng trú tại : Tổ 03, ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản khai ngày 01/12/2015 và trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án ông V và bà H trình bày:

Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H có phần đất thửa 102, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT do ông V và bà H đứng tên giấy chứng nhận QSD đất được Ủy Ban nhân dân huyện BT cấp giấy chứng nhận ngày 31/12/2014 cho hộ Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H. Giáp với thửa 102 là thửa đất số 346 diện tích 2.800m^2 loại đất thổ quả do ông Võ Văn S đứng tên quyền sử dụng đất (thửa đất của bị đơn bị cấp lộn số thửa và diện tích với thửa 379, theo Vlap thửa 346 là thửa 47 tờ bản đồ số 32 diện tích 2.299,3m^2), việc cấp lộn thửa đất bị đơn thì hiện nay Ủy Ban nhân dân huyện BT đã giải quyết xong. Đất của nguyên đơn và bị đơn đã cấm trụ ranh ổn định từ năm 2014, nguyên đơn có trồng hàng rào dâm bụt để làm ranh nhưng đến năm 2015 thì ông S có hành vi dịch chuyển trụ ranh, chặt phá hàng rào dâm bụt, chặt một số cây trồng của nguyên đơn lấn sang phần đất thửa 102 của bà H và ông V. Ông V và bà H khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn S trả lại ông, bà phần đất ngang 2,5m dài 127,60m diện tích khoảng 319m^2 thuộc thửa 102 diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT. Đồng thời yêu cầu phía ông S bồi thường 03 cây dừa là 240.000 đồng, 06 bụi chuối là 60.000 đồng. Tổng cộng là 300.000đồng. Ngày 02/6/2017 ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện bổ sung ông, bà thống nhất với trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/6/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BT yêu cầu ông Võ Văn S trả lại cho ông, bà phần đất diện tích 105,2m^2 thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT. Đồng thời yêu

cầu phía ông S bồi thường 03 cây dừa là 240.000 đồng, 06 bụi chuối là 60.000 đồng. Tổng cộng là 300.000 đồng.

** Ý kiến bị đơn ông Võ Văn S:*

Tại biên bản hòa giải ngày 15/01/2016 ông S xác định ông có phần đất diện tích là 2.800m^2 còn số thửa bao nhiêu không nhớ, nguồn gốc thửa đất này là của ông nội tên Võ Văn H chết để lại cho ông Võ Văn Ph là cha ruột ông S, ông Ph được Ủy Ban nhân dân huyện BM cấp thửa 346 diện tích 2.800m^2 ngày 01/10/1996, sau đó ông Ph mới tặng cho thửa đất này lại ông S năm 2007 (đã chỉnh lý mặt 4), ông S quản lý sử dụng đúng ranh đất cho đến nay. Phần đất của nguyên đơn có nguồn gốc là của ông Võ Văn N, ông N bán lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm S, sau đó bà S bán lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H, việc mua bán này ông không biết thỏa thuận thế nào nhưng sau khi mua bán xong thì ông V có gặp ông để hỏi ranh đất giữa hai thửa, ông S hẹn ông V đến cắm ranh nhưng phía ông V không đến sau đó ông mới biết là cắm trụ ranh xong rồi. Ông S không đồng ý với việc cắm trụ ranh này nên ông đã nhổ trụ đá ở hai đầu và có đốn mấy cây dừa và một số cây chuối, chặt hàng rào dâm bụt. Việc Ủy Ban nhân dân huyện BT có Quyết định số 4872 đính chính thông tin thửa đất 346 của ông và thửa 379 thì ông có biết và ông đã nộp lại bản gốc giấy chứng nhận QSD đất thửa 346 cho cơ quan Nhà nước rồi và không có khiếu nại gì đối với việc này, ông cũng chưa liên hệ Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BT để xin cấp lại giấy chứng nhận.

Nay ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông Võ Văn S trả lại cho ông, bà phần đất diện tích 105,2m^2 thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT. Đồng thời yêu cầu phía ông S bồi thường 03 cây dừa là 240.000 đồng, 06 bụi chuối là 60.000 đồng. Tổng cộng là 300.000 đồng thì ông không đồng ý.

** Ý kiến trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ý kiến Ủy Ban nhân dân huyện B T: Tại Công văn số 716/UBND –NC ngày 29/8/2017 Ủy Ban nhân dân huyện BT có ý kiến việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H với ông Võ Văn S không thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy Ban nhân dân huyện BT, Ủy Ban nhân dân huyện BT xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và các phiên tòa xét xử vụ việc nêu trên cho đến khi kết thúc vụ án.

- Ý kiến chị D, chị Đ, chị L, anh Tr: Tại bản tự khai ngày 16/10/2017 các anh, chị trình bày phần đất thửa 102 tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT cấp cho hộ ông V và bà H, việc ông V, bà H có tranh chấp đất với ông Võ Văn S thì anh, chị có biết nhưng thửa đất 102 là tài sản của ông V và bà H các anh, chị

không có ý kiến gì và anh, chị ủy quyền cho mẹ bà Nguyễn Thị Thu H tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Ý kiến trình bày của bà L1, anh T, anh T1 và chị H1: Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2018 bà Liễu là vợ ông S, anh T, anh T1 và chị H1 là con của ông S và bà L1, hiện đang sinh sống cùng với ông S trên thửa đất số 346 (thửa mới 47), tờ bản đồ số 6, sự việc tranh chấp ranh đất giữa ông V, bà H với ông S thì bà và anh T, anh T1, chị H1 có biết nhưng phần đất này thì ông Ph đã tặng cho ông S nên ông S toàn quyền quyết định bà L1, anh T, anh T1 và chị H1 thống nhất ý kiến ông S và xin Tòa án giải quyết vắng mặt bà L1, anh T, anh T1 và chị H1 tại các phiên hòa giải và xét xử tại Tòa án.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phía bị đơn Võ Văn S phải trả lại cho ông, bà phần đất diện tích 105,2m^2 thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT. Về yêu cầu phía ông S bồi thường 03 cây dừa là 240.000 đồng, 06 bụi chuối là 60.000 đồng. Tổng cộng là 300.000 đồng thì giá trị không bao nhiêu nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này.

- Bị đơn ông Võ Văn S trình bày: Ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ông S trả lại cho ông, bà phần đất diện tích 105,2m^2 thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT thì bị đơn không đồng ý vì ông sử dụng đất đúng ranh đất không có lấn chiếm đất của nguyên đơn, về thửa đất số số 346 (thửa mới 47) ông sử dụng ổn định từ trước đến nay đúng vị trí, ranh ổn định không có lấn chiếm đất nguyên đơn mà nguyên đơn mới lấn ranh sang bị đơn, đất của nguyên đơn được cha cho từ trước nay diện tích là 2.800m^2, về cây trồng trên phần đất tranh chấp 105,2m^2 là của nguyên đơn trồng bị đơn không có tài sản gì trên phần đất tranh chấp. Việc nguyên đơn rút yêu cầu bồi thường 03 cây dừa là 240.000 đồng, 06 bụi chuối là 60.000 đồng. Tổng cộng là 300.000 đồng thì ông Sáu không có ý kiến.

- Ý kiến người liên quan: Bà H đại diện cho chị D, chị Đ, chị L, anh Tr thống nhất ý kiến nguyên đơn.

Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật và ý kiến đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ đúng theo quy định pháp luật tố tụng.

Về nội dung:

Áp dụng Điều 100, 166, 167 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013

Áp dụng Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, Khoản 1 Điều 228, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2009.

Áp dụng Khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H.

- Buộc ông Võ Văn S có trách nhiệm trả lại diện tích đất 105,2m^2 thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông V và bà H đối với bị đơn ông Võ Văn S có trách nhiệm bồi thường cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H 03 cây dừa và 06 bụi chuối với số tiền là 300.000 đồng.

- Về chi phí khảo sát đo đạc, định giá tài sản buộc ông Võ Văn S phải chịu số tiền 8.629.000 đồng, phía nguyên đơn đã tạm nộp số tiền trên nên ông S phải có trách nhiệm trả lại cho ông V và bà H số tiền 8.629.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông S phải nộp 200.000 đồng án phí dân sự do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Thu H có đơn khởi kiện ông Võ Văn S, sinh năm 1968 nơi cư trú tổ 03, ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long tranh chấp quyền sử dụng đất thửa số 102, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT. Do đó, căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Nguồn gốc phần đất tranh chấp của nguyên đơn trước đây là thửa 378 tờ bản đồ số 6, diện tích 1.280m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm do bà Nguyễn Thị Cẩm S đứng tên giấy chứng nhận QSD đất. Ngày 25/11/1999 bà

Nguyễn Thị Cẩm S chuyển nhượng thửa 378 cho bà Nguyễn Thị Thu H đến ngày 21/01/2002 bà Nguyễn Thị Thu H được Ủy Ban nhân dân huyện BM cấp giấy chứng nhận QSD đất. Đến ngày 18/10/2010 bà H có đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất 378 (Vì khi đó ông B là cha bà H có cho bà H phần đất kế bên thửa 378 của bà H nên diện tích có tăng thêm nên bà xin cấp đổi giấy chứng nhận QSD đất) đến ngày 31/12/2014 Ủy Ban nhân dân huyện BT cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa số 102, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT cho hộ ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H. Tại Công văn số 162/UBND-NC ngày 07/03/2017 Ủy Ban nhân dân huyện BT xác định việc cấp giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa số 102, tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT cho hộ ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H là đúng theo quy định pháp luật.

[2.2] Nguồn gốc phần đất bị đơn đang quản lý sử dụng theo Công văn số 687/UBND-NC ngày 02/10/2018 của Ủy Ban nhân dân huyện BT xác định: Phần đất hiện nay ông Võ Văn S đang quản lý sử dụng là thửa đất số thửa 47 (thửa đất củ đã cấp lộn là thửa 346, đã đính chính lại thành thửa 379), tờ bản đồ số 32, diện tích 2.299,3m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm do ông Võ Văn S kê khai đăng ký theo dự án Vlap. Trước đây thửa 346, TBĐ số 6, diện tích 2.800m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm do ông Võ Văn Ph (cha của ông Võ Văn S) kê khai đăng ký trong sổ bộ địa chính và đứng tên trên giấy chứng nhận QSD đất, được Ủy Ban nhân dân huyện B M cấp giấy chứng nhận vào ngày 01/4/1996. Đến ngày 06/8/2007 ông S được ông Ph tặng cho thửa đất 346 (đã chỉnh lý mặt 4). Ngày 26/7/2017 Ủy Ban nhân dân huyện BT đã ban hành Quyết định số 4872/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Thành Nh (con của ông Nguyễn Văn B). Nội dung là đính chính sai sót thông tin về tên chủ sử dụng đất tại số thứ tự 13 phần cấp thửa 379, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.000m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tên ông Nguyễn Văn B thành tên ông Võ Văn Ph và tại số thứ tự 26, thửa 346, TBĐ số 6, diện tích 2.800m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tên ông Võ Văn Ph thành tên ông Nguyễn Văn B. (thửa 346 diện tích 2.800m^2, nay đã đính chính lại thành thửa 379 diện tích 2000m^2). Phần đất hiện nay ông Võ Văn S đang quản lý sử dụng là thửa đất số 47, tờ bản đồ số 32, diện tích 2.299,3m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm do ông Võ Văn S kê khai đăng ký theo dự án Vlap, đến thời điểm hiện tại ông Võ Văn S chưa đến UBND xã, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BT để làm thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định.

[2.3] Về phần đất tranh chấp theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 07/6/2016 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BT thì phần đất nguyên đơn tranh chấp có diện tích là 105,2m^2, trên phần đất tranh chấp theo

biên bản khảo sát, đo đạc ngày 03/3/2016 có 20 cây dừa loại A, 01 cây dâu loại B, 16 cây chuối cao trên 1m, tất cả cây trồng trên đều do nguyên đơn trồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông V và bà H buộc ông Võ Văn S có trách nhiệm trả lại diện tích đất 105,2m^2 thuộc thửa 102 tờ bản đồ số 32, diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT cho ông V, bà H là có cơ sở, bởi vì căn cứ theo Công văn số 687/UBND-NC ngày 02/10/2018 và Quyết định số 4872/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Ủy Ban nhân dân huyện BT xác định phần đất của ông Võ Văn Ph thuộc thửa 379, tờ bản đồ số 6 diện tích là 2.000m^2, ông Võ Văn Ph tặng cho ông Võ Văn S, ông S đang quản lý sử dụng theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 06/7/2016 thửa mới là 47, tờ bản đồ số 32 diện tích 2.296,1m^2 thì diện tích đất tăng 296,1m^2 so với diện tích đất ông S được cấp giấy chứng nhận. Về diện tích thửa 102 của nguyên đơn theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 06/7/2016 thì diện tích 1.346m^2 (102-1) giảm 396,2m^2 so với giấy chứng nhận được cấp. Mặt khác, trên phần đất tranh chấp có một số cây trồng lâu năm theo sự thừa nhận của các đương sự là của nguyên đơn trồng, trong đó có 01 cây dâu loại B, nguyên đơn đã trồng hơn 08 năm nay. Cho nên, có căn cứ cho rằng phần đất tranh chấp 105,2m^2 là thuộc thửa 102 của nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa phía nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc ông Võ Văn S phải có trách nhiệm bồi thường 03 cây dừa và 06 bụi chuối với số tiền là 300.000 đồng cho ông V và bà H vì ông Võ Văn S đã chặt bỏ nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[5] Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp tạm ứng chi số tiền 8.629.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Võ Văn S phải chịu số tiền này. Ông V và bà H đã tạm nộp số tiền trên nên ông S phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 8.629.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Võ Văn S phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 406.500 đồng cho nguyên đơn.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144,147,157,165, Khoản 1 Điều 228, Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ Điều 100, 166, 167 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013

Căn cứ Khoản 2 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2009.

Căn cứ Điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H đối với ông Võ Văn S.

2. Buộc ông Võ Văn S trả lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H diện tích đất 105,2m^2 (102 – 3) thuộc thửa 102 diện tích 1.742,2m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp Thành C, xã Thành L, huyện BT, tỉnh Vĩnh Long. (Có trích đo bản đồ địa chính khu đất kèm theo).

3. Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H đối với việc buộc ông Võ Văn S có trách nhiệm bồi thường thiệt hại 03 cây dừa và 06 bụi chuối cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 300.000 đồng. (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về chi phí khảo sát, đo đạc, định giá: Đã chi số tiền 8.629.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông Võ Văn S phải chịu số tiền này. Nguyên đơn đã tạm nộp chi số tiền 8.629.000 đồng nên buộc ông Võ Văn S phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 8.629.000 đồng (Tám triệu sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Văn S phải nộp số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí là 406.500 đồng (Bốn trăm lẽ sáu nghìn năm trăm đồng) cho ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Thu H theo lai thu số 0011119 ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BT.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng những người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND. Tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND.H Bình Tân;
- Chi cục THADS.H Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hồng Diễm